

KẾ HOẠCH

**Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP
ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ giai đoạn 2023-2026**

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Kế hoạch số 1482/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Kế hoạch số 6970/KH-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp về triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023-2026 trên địa bàn quận Gò Vấp;

Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2023-2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC

1. Mục đích, yêu cầu:

a) Mục đích:

Rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy, vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị theo hướng tinh gọn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo đúng tiêu chí quy định nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng hoạt động có hiệu quả của đơn vị. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, công tác hành chính, tiết kiệm ngân sách, cải cách tiền lương,...

b) Yêu cầu:

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, trình tự và chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định của pháp luật; phải được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, minh bạch và đúng đối tượng, không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đơn vị phải nêu cao vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân trong tổ chức triển khai thực hiện tinh giản biên chế và kết quả việc tinh giản biên chế phải gắn với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

2. Nguyên tắc:

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế.
- Gắn tinh giản biên chế với sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với cơ chế tự chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.
- Bảo đảm chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.
- Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.
- Đối tượng tinh giản biên chế nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện tinh giản biên chế thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả trợ cấp.

II. ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIẢN

1. Đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế (Điều 2 Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

- Công chức, viên chức cơ quan, đơn vị thực hiện tinh giản biên chế thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc dôi dư do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện cơ chế tự chủ;
 - + Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
 - + Dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác hoặc bố trí được việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;
 - + Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

+ Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức, viên chức có 01 năm xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

+ Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội (*Khoản 1 Điều 26 Luật BHXH năm 2014 quy định về thời gian hưởng chế độ ốm đau thông thường trong một năm đối với người lao động tính theo ngày làm việc tối đa từ 30 ngày đến 70 ngày tùy thuộc vào điều kiện làm việc và thời gian đóng BHXH*) không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật hoặc trong năm trước liền kề tại thời điểm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

+ Công chức, viên chức quản lý thời giữ chức vụ, chức danh do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

+ Công chức, viên chức đang trong thời gian bị kỷ luật nhưng chưa đến mức bị bãi nhiệm hoặc bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

+ Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ đối dư do sắp xếp lại tổ chức hoặc cơ cấu lại nhân lực của đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối tượng chưa thực hiện tinh giản biên chế:

- Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

- Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

III. NỘI DUNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ:

1. Chỉ tiêu tình giản biên chế:

- Chỉ tiêu chung: Từ năm 2023 đến 2026, các đơn vị thực hiện tình giản tối thiểu 10% chỉ tiêu biên chế được Ủy ban nhân dân quận giao.

- Chỉ tiêu dự kiến thực hiện tình giản biên chế cụ thể: Căn cứ tình hình cụ thể của từng đơn vị hàng năm, để xác định tỷ lệ tình giản biên chế cho phù hợp, đảm bảo đạt được mục tiêu từng bước nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của các đơn vị.

2. Chỉ tiêu cụ thể của từng đơn vị: (phụ lục đính kèm)

3. Chính sách tình giản biên chế:

3.1. Các chính sách tình giản biên chế:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế, bao gồm:

- Chính sách nghỉ hưu trước tuổi;
- Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước;
- Chính sách thôi việc;
- Chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- Chính sách đối với đối tượng tình giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp.

3.2. Cách tính hưởng trợ cấp và nguồn kinh phí thực hiện tình giản biên chế:

Thực hiện theo Điều 10 Nghị định 29/2023/NĐ-CP quy định về cách xác định thời gian và tiền lương để tính hưởng trợ cấp tình giản biên chế;

Thực hiện theo Điều 11 Nghị định 29/2023/NĐ-CP quy định về nguồn kinh phí thực hiện tình giản biên chế.

4. Quy trình, số lượng và hồ sơ đề nghị tình giản biên chế:

4.1. Quy trình thực hiện tình giản biên chế:

Việc thực hiện tình giản biên chế phải đảm bảo đúng quy trình theo quy định, cụ thể các bước sau:

Bước 1: Rà soát và lập danh sách viên chức và người lao động dự kiến thực hiện tình giản biên chế đảm bảo các nội dung theo quy định (theo mẫu đính kèm).

Bước 2: Hiệu trưởng chủ trì tổ chức họp với toàn thể viên chức và người lao động cơ quan, đơn vị (*thể hiện bằng biên bản với sự tham dự đầy đủ của Cấp ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên*), nội dung họp phải nêu rõ:

- Về việc tuyên truyền, triển khai các văn bản của Trung ương, thành phố, quận về chính sách tinh giản biên chế:

+ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

+ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

+ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 71-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

+ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

+ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

+ Kế hoạch số 1482/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Kế hoạch số 6970/KH-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban Nhân dân quận Gò Vấp về triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023-2026 trên địa bàn quận Gò Vấp và các văn bản khác có liên quan.

- Công khai danh sách cá nhân dự kiến đề nghị thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm.

Bước 3: Tổng hợp các ý kiến góp ý tại cuộc họp, đồng thời hoàn chỉnh danh sách dự kiến thực hiện tinh giản biên chế năm của đơn vị phải đảm bảo đúng đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

Bước 4: Gửi toàn bộ hồ sơ về phòng Giáo dục và Đào tạo theo đúng thời gian và thành phần hồ sơ quy định.

Bước 5: Hiệu trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tinh giản biên chế trong đơn vị theo Kế hoạch số 6970/KH-UBND ngày 12/12/2024 về triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023-2026 trên địa bàn quận Gò Vấp; giải đáp tất cả những thắc mắc hoặc khiếu nại đối với viên chức và người lao động liên quan đến việc tinh giản biên chế theo quy định.

4.2. Thành phần hồ sơ đề nghị tinh giản biên chế :

- Tờ trình đề nghị, danh sách và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của đối tượng tinh giản biên chế.
- Biên bản họp xét của lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý công chức, viên chức thông qua danh sách giải quyết chính sách tinh giản biên chế có đại diện cấp ủy đảng và công đoàn cùng cấp, trong đó nêu rõ từng đối tượng, lý do thực hiện tinh giản biên chế.
- Đối với các cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP (*trong đó nêu rõ lý do và thời điểm, nghỉ theo đối tượng nào*).
- Bản sao các quyết định xếp lương, nâng lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (*nếu có*) theo quy định của pháp luật về tiền lương trong thời gian 5 năm cuối (*60 tháng*) trước khi tinh giản biên chế.
- Bản ghi quá trình đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (*có ý kiến xác nhận của cơ quan BHXH về tổng thời gian đóng BHXH tính đến thời điểm lập hồ sơ*).
- Các văn bản, tài liệu chứng minh đối tượng có đủ điều kiện giải quyết tinh giản biên chế theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp:

- Thông báo công khai kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc.
- Căn cứ theo quyết định giao biên chế năm xây dựng lộ trình chỉ tiêu thực hiện tinh giản biên chế hằng năm cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc.
- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp danh sách, hồ sơ đối tượng thực hiện tinh giản biên chế gửi về UBND quận (Thông qua Phòng Nội vụ) theo đúng thời gian quy định.

2. Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập:

- Tổ chức triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế.
- Rà soát, thực hiện tinh giản biên chế đối với những viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn nghiệp vụ.
- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại viên chức hằng năm, trên cơ sở kết quả đánh giá hằng năm thực hiện đưa vào danh sách tinh giản biên chế đối với những trường hợp có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù

hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế.

- Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế của đơn vị, có ý kiến của cấp ủy và Ban chấp hành Công đoàn gửi về Phòng Nội vụ thẩm định.

- Lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế gửi về Phòng Nội vụ thẩm định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh và chưa rõ đề nghị các đơn vị báo cáo về Phòng Nội vụ (cô Hiền) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC_(Th02b).



TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Vĩnh Thanh



CHỈ TIÊU TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ CỤ THỂ CỦA TỪNG ĐƠN VỊ

(Kèm theo kế hoạch số/KH-GDDT ngày 25.. tháng 02/ năm 2025 về thực hiện chính sách
tình giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ)

Stt	Đơn vị	Biên chế giao năm 2023	Chỉ tiêu chung	Đã thực hiện tình giản	Tiếp tục xây dựng lộ trình đến năm 2026
I. Mầm non:		757	76	0	76
1	Hoa Quỳnh_2 cơ sở	26	3		3
2	Nhật Quỳnh	35	3		3
3	Hoa Hồng	32	3		3
4	Hoa Lan	35	4		4
5	Hồng Nhung	49	5		5
6	Họa Mi_2 cơ sở	39	4		4
7	Sơn Ca	30	3		3
8	Thủy Tiên_2 cơ sở	28	3		3
9	Vàng Anh	39	5		5
10	Hương Sen	26	3		3
11	Hướng Dương_2 cơ sở	30	3		3
12	Sen Hồng	28	3		3
13	Hoa Sen	28	3		3
14	Ngọc Lan_2 cơ sở	28	3		3
15	Hoàng Yến	34	3		3
16	Quỳnh Hương	25	3		3
17	Anh Đào	48	5		5
18	Hạnh Thông Tây	44	4		4
19	An Nhơn	25	3		3
20	Hoa Phượng Đỏ	31	3		3
21	Sóc Nâu	45	4		4
22	Mai Vàng	34	3		3
II. Tiểu học:		1.517	151	02	149
23	Nguyễn Thượng Hiền	89	9		9
24	Trần Văn Ôn	53	5		5
25	Phạm Ngũ Lão	50	5		5
26	Hạnh Thông	69	7		7
27	Nguyễn Viết Xuân	71	7	1	6
28	Trần Quốc Toàn_2 CS	52	5		5
29	Kim Đồng_2 CS	84	8	1	7
30	Nguyễn Thị Minh Khai	56	6		6
31	Chi Lăng	63	6		6

Stt	Đơn vị	Biên chế giao năm 2023	Chỉ tiêu chung	Đã thực hiện tính giảm	Tiếp tục xây dựng lộ trình đến năm 2026
32	Lam Sơn	64	6		6
33	An Hội	108	11		11
34	Lê Thị Hồng Gấm	59	6		6
35	Lương Thế Vinh	85	9		9
36	Lê Hoàn_2 CS	56	6		6
37	Võ Thị Sáu	129	13		13
38	Phan Chu Trinh_2 CS	93	9		9
39	Hoàng Văn Thụ	56	6		6
40	Trần Quang Khải_2 CS	52	5		5
41	Lê Quý Đôn	76	8		8
42	Lê Đức Thọ	55	5		5
43	Lê Văn Thọ	59	6		6
44	GDCB Hy Vọng	38	3		3
III. Trung học cơ sở:		2.853	137	0	137
45	Nguyễn Văn Trỗi_3 CS	86	7		7
46	Trường Sơn	47	5		5
47	Nguyễn Văn Nghi	86	9		9
48	Gò Vấp	60	6		6
49	Quang Trung	100	10		10
50	Thông Tây Hội_2 CS	71	7		7
51	Nguyễn Du	92	9		9
52	Phạm Văn Chiêu	118	12		12
53	Lý Tự Trọng	94	9		9
54	Phan Tây Hồ	128	13		13
55	An Nhơn	106	11		11
56	Nguyễn Trãi	130	13		13
57	Tân Sơn	96	10		10
58	Huỳnh Văn Nghệ	100	10		10
59	Phan Văn Trị	60	6		6
	TỔNG CỘNG	3.648	364	02	362